TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:96/2020/DS-PT.
Ngày:31/12/2020.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLPT – DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 Về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số:13/2020/DS - ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2020/QĐXX - PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tống Văn T, sinh năm 1959, địa chỉ: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Tống Quang V; sinh năm 1957, địa chỉ: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Anh Tống Văn Q, sinh năm 1982, địa chỉ: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1; sinh năm 1968.

2. NLQ2, sinh năm 1973.

3. NLQ3, sinh năm 1976.

4. NLQ4, sinh năm 1971.

5. NLQ5, sinh năm 1961.

6. NLQ6, sinh năm 1984.

7. NLQ7, sinh năm 1986.

(Đều có địa chỉ: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ).

8. NLQ8, sinh năm 1984.

Địa chỉ:Phố T, phường T thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp của NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8: Ông Tống Văn T, sinh năm 1959, địa chỉ: Xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ, là người đại diện theo ủy quyền. (Các văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 6 năm 2020 và ngày 10 tháng 9 năm 2020). (Các đương sự Ông T, anh Q, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Tống Văn T trình bày:

Bố ông là Tống Văn C, sinh năm 1918 và mẹ ông là Nguyễn Thị L, sinh năm 1928. Sau khi kết hôn, bố mẹ ông sinh sống tại xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Bố mẹ ông sinh được 8 người con (6 trai, 2 gái)là: Tống Thị Đ, sinh năm 1955 (đã chết năm 2017);Tống Quang V, sinh năm 1957; Tống Văn M, sinh năm 1959 (đã chết tháng 11 năm 2016); Tống Văn T, sinh năm 1959; NLQ1, sinh năm 1968; NLQ2, sinh năm 1973; NLQ3, sinh năm 1976; NLQ4, sinh năm 1971;

Ngày 26/02/2007 Bố ông là Tống Văn C già ốm qua đời (chết) không để lại di chúc gì.

Ngày 15/10/2008, mẹ ông có tổ chức họp gia đình, lúc đó có mặt đủ 8 anh chị em, đã có biên bản họp gia đình. Mẹ ông có nói là: "Các con đã có đất thổ cư, có nhà rồi, con Bích nó chưa có đất thổ cư và nhà ở. Nó ở với mẹ trông nom lúc mẹ ốm yếu. Khi nào mẹ già yếu mẹ chết đi, mẹ cho con gái là NLQ4 nhà ở, đất thổ cư và toàn bộ đồ dùng sinh hoạt".Có 6 anh chị em nhất trí cho NLQ4, NLQ4 đồng ý nhận tài sản và có nhiệm vụ trông nom, chăm sóc lúc mẹ già yếu. Duy nhất có Ông Tống Quang V không nhất trí cho NLQ4.Ngày 15/10/2008, mẹ ông đã làm di chúc cho NLQ4.

Ngày 09/3/2016 mẹ ông là Nguyễn Thị L già ốm qua đời (chết), trước khi qua đời mẹ ông có để lại di chúc ngày 15/10/2008, cho NLQ4 tất cả số tài sản của bố mẹ ông.

Tài sản chung của bố mẹ ông để lại, ông đề nghị Tòa án chia là: Quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 203m2 đất ở trị giá 50.750.000 đồng, diện tích đất vườn tăng thêm do đo đạc lại là 192,5 m2, xác định

theo hiện trạng sử dụng đất là đất trông cây lâu năm có trị giá là 6.083.000 đồng. Thuộc thửa đất số 128 tờ bản đồ số 14, tài sản gắn liền quyền sử dụng đất là 01 khung nhà gỗ cũ trị giá 400.000 đồng, 01 cây mít trước cổng trị giá 2.000.000 đồng, tại xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.Hiện nay NLQ4 đang quản lý, sử dụng, bảo quản, tôn tạo toàn bộ tài sản nêu trên từ khi mẹ ông chết.

Do ông V không nhất trí cho NLQ4 sử dụng toàn bộ các tài sản nêu trên, gia đình không thỏa thuận được về phân chia di sản thừa kế. Trước đây, năm 2019, nhà sắp đổ, nguy cơ mất an toàn, NLQ4 cần phải dỡ nhà để làm lại nhà thì ông V và NLQ1 không cho dỡ nhà.Ông V đã kiện NLQ4 ra tòa để yêu cầu chia thừa kế, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Phần quyền lợi của ông V được hưởng là phần nhỏ, không đủ diện tích để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu thanh toán bằng tiền thì giá trị nhỏ, không đáng kể vì là đất ở nông thôn, đường đi lại khó khăn, khung nhà gỗ đã lâu năm, sử dụng đã hết khấu hao. Ông V tuyên bố tiền tỷ cũng không lấy, khi Tòa án mở phiên tòa để xét xử, ông V đã tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ông nghĩ ông V không lấy tiền thì không tranh chấp gì nữa nên ông mới đồng ý để ông V rút đơn mà không yêu cầu xét xử tiếp.Đến ngày 24/3/2020 ông V lại về tranh chấp việc sử dụng tài sản với NLQ4, không cho NLQ4 làm lại nhà mặc dù ngôi nhà sắp đổ.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc của mẹ ông để lại,mẹ ông đã để lại di chúc cho NLQ4 toàn bộ quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản khác nhưng gia đình ông thống nhất hiệu lực của di chúc chỉ có giá trị một nửa (1/2) khối tài sản nêu trên. Phần quyền của bố ông là một nửa (1/2) khối tài sản nêu trên còn lại, không để lại di chúc thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Số người được hưởng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế năm 2007 của bố ông là 8 người con của bố ông và mẹ ông, tổng là 9 người. Nay mẹ ông cũng đã chết nên ông đề nghị chia phần của bố ông làm 8 phần thì ông V và NLQ1 được hưởng mỗi người là 1/8 của 1/2 khối tài sản tức là 1/16 khối tài sản. Diện tích đất ở ông V, NLQ1 được hưởng mỗi người là 203 m2: 16 = 12,6875 m2 đất ở. Diện tích đất của cả ông V và NLQ1 cộng lại là 25,375 m2 đất ở, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh Phú Thọ.Nên ông yêu cầu Tòa án chia cho ông V và NLQ1 bằng giá trị quyền sử dụng đất mỗi người là 12,6875m2 x 250.000 đồng/m2 = 3.171.875 đồng. Phần giá trị nhà ở và cây mít được hưởng là (2.400.000 đồng: 2) : 8 =150.000 đồng. Phần giá trị đất trồng cây lâu năm được hưởng là (6.083.000: 2): 8 = 380.187 đồng.Tổng mỗi người được hưởng làm tròn là 3.702.000 đồng.

(Trước đây ông tính làm tròn và nhất trí thanh toán cho ông V và NLQ1 mỗi người là 3.325.000 đồng chưa tính giá trị diện tích đất tăng thêm do đo đạc). Phần quyền lợi của ông và những người khác đều cho NLQ4 được hưởng. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giao cho NLQ4 quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên, sở hữu khung nhà gỗ, 01 cây mít trước cổng và có nghĩa vụ thanh toán cho ông V, NLQ1 mỗi người là 3.702.000 đồng.

Ngoài thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14 nêu trêncòn có các loại đất nông nghiệp của xã giao cho bố mẹ ông sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi bố mẹ ông già yếu không canh tác được đã giao lại cho các con sử dụng từ lúc mẹ ông còn sống, trong đó có NLQ1, khi đó không ai có ý kiến gì khác, không có ai tranh chấp gì, hiện nay một số thửa ruộng bỏ hoang, để cỏ mọc, giá trị sử dụng thực tế không đáng kể, ở địa phương nhiều người bỏ làm ruộng để đi làm tự do có thu nhập cao hơn, nếu ông V muốn sử dụng thì ông để ông V sử dụng, ông không yêu cầu, không đồng ý Tòa án chia đất nông nghiệp.

Không có việc NLQ3 lấn đất thửa số 128, tờ bản đồ số 14, vì khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ hộ Nguyễn Thị L, hai bên đã thống nhất về gianh giới quyền sử dụng đất, đã kiểm tra hiện trạng đất là không có tranh chấp, ông đồng thời là trưởng khu được chứng kiến nên ông biết rất rõ, quá trình sử dụng đất ổn định từ 2014 đến nay, không có tranh chấp gì. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đo vẽ diện tích thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14 NLQ4 đang quản lý, sử dụng là chính xác.

Ông Tống Quang V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến: Nhất trí với ý kiến của Ông T về họ, tên, năm sinh và mất của bố mẹ ông, bố mẹ ông để lại các tài sản như trên là đúng, nhất trí di chúc của mẹ ông có giá trị định đoạt 1/2 khối tài sản cho NLQ4. Còn 1/2 quyền sử dụng tài sản là đất ở đề nghị Tòa án không chia mà để lại làm nhà thờ bố mẹ, tổ tiên.

Ý kiến của Anh Tống Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của Ông Tống Quang V tại phiên tòa trình bày: Giữ nguyên ý kiến của Ông Tống Quang V trong quá trình giải quyết vụ án và nhất trí để cho NLQ4 sử dụng một nửa thửa đất theo di chúc. Đề nghị Tòa án làm rõ gianh giới với hộ NLQ3 để chia di sản, việc xác định ranh giới với hộ NLQ3 và đo vẽ như đề nghị của Ông T là chưa đo hết đất, anh giữ nguyễn ý kiến của ông V là còn khoảng 40 m2 đất do NLQ3 đang chiếm giữ.

Ý kiến của NLQ1: Nhất trí để cho NLQ4 sử dụng một nửa thửa đất theo di chúc của mẹ ông. Ông đề nghị phần đất của bố ông không chia, không cho, không bán mà để làm nhà từ đường cúng giỗ bố mẹ, tổ tiên.

Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 07/9/2020, tại UBND xã Y:

Ngày 09/9/2020 ông V và NLQ1 đã có đơn đề nghị Tòa án có nội dung nếu Tòa án không chia cho các ông 1/2 diện tích đất ở để làm nhà thờ cúng bố mẹ, tổ tiênthì các ông sẽ đề nghị Tòa án chia 1/2 phần tài sản của bố các ông để lại chia đều cho 8 người con theo quy định của pháp luật. Các tài sản bố mẹ ông để lại như Ông T đề nghị và các thửa đất nông nghiệpgồm:1.Đất phần trăm 312m2 tại thửa số 129 tờ bản đồ số 14; 2.Đất phần trăm 72m2 thửa số 136a tờ bản đồ số 14; 3.Đất ruộng 145m2 thửa số 136b tờ bản đồ số 14; 4.Đất ruộng 412m2 thửa số 285a tờ bản đồ số 14; 5.Đất ruộng 280m2 thửa số 280 tờ bản đồ số 14; 6.Đất ruộng ở Cam Quất

290m2 thửa số 248 tờ bản đồ số 14; 7. Đất ruộng ở Phân Thủy 566m2 thửa số 247 tờ bản đồ số 14; 8.Đất ruộng ở Diệu Cò 286m2 thửa số 173 tờ bản đồ số 14; 9.Đất ruộng ở Diệu Cò 350m2 thửa số 174 tờ bản đồ số 14; 10.Đất chè đồi gò mõ 01 mẫu;

Ngày 23/9/2020, ông V và NLQ1 nộp đơn đề nghị Tòa án xác định di sản của bố mẹ ông để lại để chia thừa kế còn có khoảng 40 m2 đất về phía tiếp giáp với quyền sử dụng đất của NLQ3, do NLQ3 đang chiếm giữ, quản lý, nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác kèm theo.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làNLQ2 nhất trí với ý kiến của Ông T. Cho NLQ4 sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất thổ cư, nhà ở, 01 cây mít, đồng ý để NLQ4 làm nhà ở, NLQ4 có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho NLQ1 và ông V. Không đồng ý chia lại đất nông nghiệp như kiến kiến của ông V và NLQ1 vì đã sử dụng ổn định. Không có việc NLQ3 lấn đất, việc đo vẽ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là chính xác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8đều vắng mặt tại phiên tòa và đều ủy quyền cho Ông Tống Văn T giải quyết vụ án, đều nhất trí theo di chúc, di chúc có nội dung NLQ4 được sử dụng toàn bộ thửa đất thổ cư và các tài sản khác. Ngoài ra không ai có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vàoĐiều 688, Điều 623, 634, 631, 650của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 200, Điều 201, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử giao cho NLQ4 quyền sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14 diện tích 395,5m2 đất thổ cư (trong đó có 203 m2 đất ở trị giá 50.750.000 đồng và 192,5m2 đất trồng cây lâu năm trị giá 6.083.000 đồng), sở hữu 01 khung nhà gỗ đã cũ gắn liền với quyền sử dụng đất trị giá 400.000 đồng, 01 cây mít trước cổng trị giá là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị là 59.233.000 đồng.

(Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14, ở khu 4 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2014, đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị L.Có chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 theo Bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14ngày 07/9/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H kèm theo).

NLQ4 có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Tống Quang V, NLQ1 mỗi người là: 3.702.000 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Kháng cáo:

- Ngày 28/09/2020, NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tại đơn kháng cáo đề ngày 11/10/2020 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ NLQ1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cắt ½ diện tích đất thổ cư của bố mẹ ông để lại cho các anh em để làm nhà thờ cúng bố mẹ theo đúng phong tục và truyền thống của người Việt Nam.

Ngày 28, 29 tháng 9 năm 2020 Anh Tống Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của ông Tống Văn Vinh có đơn kháng cáo và có đơn đề nghị bổ sung đơn kháng cáo đề ngày 04/10 và ngày 12/10/2020 với nội dung: Hội đồng thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đo hết diện tích mảnh đất thổ cư của ông, bà anh để lại. Thửa đất có 04 cạnh hình thang nhưng hội đồng thẩm định chỉ đo được 03 cạnh, còn một cạnh bên trái của thửa đất giáp ranh với đất thổ cư nhà NLQ3 chưa đo đúng và chưa đo hết vì khi đo NLQ3 đã chỉ sai ranh giới giữa hai nhà, hiện nay ranh giới đó vẫn đang tranh chấp chưa được phân chia rõ ràng nên số đo của thửa đất mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là chưa chính xác, không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2020, ông Tống Văn Vinh và NLQ1 xác định bản trích đo hiện trạng ngày 07/9/2020 do TAND huyện H yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H trích đo đã đo không hết đất thổ cư của bố mẹ các ông để lại ngoài ra di sản thừa kế của hai cụ còn có đất lúa, đất chè, đất ao cũng chưa được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết.

Tại phiên tòa, NLQ1 và Anh Tống Văn Q là đại diện theo ủy quyền của ông Tống Văn Vinh giữ nguyên kháng cáo, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS – ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện H, tỉnh Phú Thọ giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Vì đề nghị hủy án nên không xem xét đến nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn Kháng cáo của NLQ1 và Anh Tống Văn Q trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của NLQ1 và Anh Tống Văn Q với nội dung không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Vợ chồng cụ Tống Văn C và cụ Nguyễn Thị L, sinh được 8 người con (6 trai, 2 gái) Gồm: Tống Thị Đ, (chết năm 2017);Tống Quang V; Tống Văn M, (chết năm 2016); Tống Văn T; NLQ1; NLQ2; NLQ3; NLQ4;

Ngày 26/02/2007 Cụ Tống Văn C (chết) không để lại di chúc gì.

Ngày 09/3/2016 Cụ L (chết), trước khi chết Cụ L có để lại di chúc ngày 15/10/2008, cho NLQ4 tất cả số tài sản của Cụ L và Cụ C gồm: 01 nhà gỗ 04 gian 05 hàng chân, 01 cái bếp gỗ (01 gian), đất thổ cư diện tích 01 sào; đất % diện tích 14 thước ở tràn hố chuối; 01 sào chè ở gò mõ; 01 bãi chè ở dưới cổng diện tích 05 thước; 01 hòm đựng thóc; 02 cái giường; 01 bộ bàn ghế nan cong; toàn bộ đồ dùng sinh hoạt hàng ngày; 08 thước ruộng ở riêu cò; 09 thước ở hố chuối; 12 thước ở Cam quất; 10 thước ở phân thủy.

Ngày 28/4/2020 Ông Tống Văn T có đơn khởi kiện Ông Tống Quang V. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm Ông T đề nghị công nhận di chúc của Cụ L để lại di sản cho NLQ4 có hiệu lực ½ còn lại ½ di sản của Cụ C đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thể hiện tại sổ mục kê năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý thể hiện tại tờ bản đồ số 14, số thửa 128 có ghi tên Tống Văn C, khu 6, diện tích 818 m2, loại đất TC nghĩa là đất thổ cư, cũng trong sổ mục kê này còn thể hiện cụ Tống Văn C, đứng tên ở 11 thửa đất trồng lúa. Theo NLQ3 và các đương sự khác khai năm 2004 Cụ C và Cụ L có cho vợ chồng NLQ3 170m2 đất ở và vợ chồng ông đã làm nhà ở được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 199755 ngày 31/12/2004 đứng tên NLQ3. Ngày 25/12/2014 cụ Nguyễn Thị L được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 509450 diện tích 203,0 m2 đất ở. Ngày 07/9/2020 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H kiểm tra, đo đạc lại diện tích đất của Cụ

C và Cụ L để lại sau khi đã cho NLQ3 thể hiện diện tích đất thực tế theo mốc giới do Ông T, NLQ3, NLQ4 chỉ thì diện tích là 395,5 m2. Việc đo đạc, chỉ mốc giới này NLQ1 và ông V không nhất trí và cho rằng NLQ3 còn lấn chiếm một phần đất là di sản thừa kế; Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ xem lý do tại sao sổ mục kê năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Y quản lý thể hiện diện tích 818 m2 cho vợ chồng NLQ3 170m2 nay trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị L chỉ còn 203,0 m2. Trong quá trình sử dụng đất Cụ C và Cụ L có bị cơ quan nhà nước thu hồi đất hoặc hai cụ có chuyển nhượng, tặng cho ai không? Khi các đồng thừa kế có sự tranh chấp về mốc giới đất đối với di sản của hai cụ để lại với NLQ3 thì cần phải đo lại toàn bộ diện tích đất của hai cụ trước khi cho NLQ3, sau đó đo diện tích đất của NLQ3 được hai cụ cho các đương sự đều thừa nhận và nhà nước công nhận là 170 m2 ; diện tích đất còn lại là di sản của hai cụ như vậy mới bảo đảm được quyền lợi cho các đồng thừa kế. Nhưng cấp sơ thẩm lại cho rằng ông V và NLQ1 khi nào chứng minh được thì giải quyết sau trong một vụ việc khác là chưa đảm bảo được quyền lợi cho các đồng thừa kế và không giải quyết triệt để vụ án. Hơn nữa đối chiếu với sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ L và bản trích đo địa chính hiện trạng ngày 07/9/2020 thì thấy cạnh 9-1 phía giáp đất NLQ3 trong bản trích đo địa chính hiện trạng chiếu thẳng gần với ngã ba đường đi hố chuối, còn trong sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cụ L thì thấy cạnh D-E phía giáp đất NLQ3 dịch hướng về phần đất của gia đình NLQ3 và cách ngã ba đi hố chuối chiếu vuông góc với đường đi hố gió. Như vậy so sánh hai sơ đồ trên cũng cho thấy hình thù của thửa đất cũng có sự khác nhau…?

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thừa nhận trong quá trình sử dụng đất Cụ L và Cụ C cũng như NLQ3 không lấn chiếm đất công, hiện trạng tứ cận nguyên trạng của các cụ sử dụng từ lâu.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của Cụ L ngày 15/10/2008 để lại di sản cho NLQ4 có hiệu lực ½ còn lại ½ di sản của Cụ C không có di chúc được chia theo pháp luật cho 8 người con và Cụ L. Tổng là 9 người. Nhưng lại cho rằng ngày 09/3/2016 Cụ L chết còn lại 8 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và theo đề nghị của Ông T nên chia di sản của Cụ C cho 8 người là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì thời điểm mở thừa kế khi Cụ C chết. Lúc này có 8 người con và Cụ L nên xác định chia di sản của Cụ C cho 9 người và theo di chúc của Cụ L đã cho NLQ4 thì phần của Cụ L được hưởng của Cụ C theo di nguyện thì chỉ có NLQ4 được hưởng, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho 8 người là ảnh hưởng đến quyền lợi của NLQ4.

Trong bản di chúc của Cụ L ngày 15/10/2008 không chỉ có đất ở mà còn một số tài sản khác Cụ L di chúc cho NLQ4, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ xem những tài sản này có phải là tài sản chung của hai cụ không, nếu là tài sản chung của hai cụ thì Cụ L chỉ có quyền ½ đối với tài sản chung, còn lại ½ là của Cụ C và cũng phải được chia thừa kế theo pháp luật thì mới đảm bảo được quyền lợi cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong hồ sơ còn thể hiện: Ngày 28/8/2020, Tòa án nhân dân huyện H tiến hành thụ lý vụ án nhưng không tiến hành giao thông báo thụ lý cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem họ có ý kiến hay yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn hay không. Cho đến khi tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/9/2020, Ông T chỉ yêu cầu chia phần đất ở, không nhất trí chia các loại đất khác vì không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông V và NLQ1 lại đề nghị để lại phần diện tích đất là di sản của bố các ông làm nhà từ đường, nếu không được thì các ông đề nghị chia đối với các tài sản khác. Ngay sau phiên hòa giải, NLQ1, ông V có đơn đề nghị Tòa án chia các tài sản khác bao gồm đất ruộng, chè, đất %. Tòa án xác định đó là yêu cầu phản tố của ông V nhưng do được đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không chấp nhận. Như vậy, do có vi phạm trong việc không thông báo, tống đạt thông báo thụ lý cho đương sự như đã nêu trên, nên gây ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của đương sự.

Bên cạnh đó, trong hồ sơ còn thể hiện, Tòa án thụ lý vụ án ngày 28/8/2020, nhưng trước đó ngày 04/6/2020 có nhiều đương sự đã có bản tự khai tại Tòa án thể hiện quan điểm chưa rõ yêu cầu, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán cũng không tiến hành lấy lời khai của các đương sự hoặc yêu cầu các đương sự viết bản tự khai để làm rõ yêu cầu của các bên làm căn cứ giải quyết vụ án, mà vẫn sử dụng các tài liệu trên để coi là nguồn chứng cứ là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 93 BLTTDS.

Bản án sơ thẩm giao cho NLQ4 sử dụng toàn bộ diện tích đất 395,5m² và phải thanh toán giá trị cho ông V, NLQ1 nhưng xác định trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với NLQ4 (buộc NLQ4 chịu án phí dân sự đối với cả phần tài sản của Cụ L không yêu cầu chia) là chưa đúng theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành lấy lời khai của ông V, NLQ1, các ông vẫn thể hiện quan điểm: các ông yêu cầu chia cả đất ruộng, đất chè, đất ao. Nhưng nếu chia cho các ông một phần đất thổ cư để làm nhà thờ thì những tài sản như đất ruộng, đất ao, đất chè các ông cho tất NLQ4, không yêu cầu chia nữa.

Để giải quyết triệt để vụ án, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự Tòa án cấp sơ thẩm cần phải làm rõ các di sản của Cụ L và Cụ C, thời điểm hình thành tài sản chung của hai cụ, những di sản nào được ghi trong di chúc và những di sản nào chưa được ghi trong di chúc, di chúc có hiệu lực phần nào và phần nào không có hiệu lực. Sau đó mới chia và khi chia xét đến yêu cầu, nguyện vọng của các bên để chia bằng vật trước, nếu không chia được bằng hiện vật thì lúc đó mới thanh toán bằng tiền. Trong vụ án này nguyện vọng của ông V và NLQ1 xin được chia một phần đất làm nơi thờ cúng tổ tiên điều này phù hợp với đạo đức xã hội,

phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp…nên cũng cần xem xét để chia theo nguyện vọng của các đồng thừa kế là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy: Việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của TAND huyện H, giao hồ sơ cho tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo thủ tục chung là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: NLQ1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, khoản 3 Điều 148 BLTTDS; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS – ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện H, tỉnh Phú Thọ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: NLQ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho NLQ1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002471 ngày 27/10/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Tiến Nguyễn Kim Ái Nguyễn Hà Giang

***Nơi nhận*:** **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang